

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 805/2015/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu thức phân công cơ quan thuế quản lý
đối với doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 127/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp mã số doanh nghiệp thành lập mới và phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh quy định Bộ tiêu thức phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang tại Tờ trình số 5654/CT-KK&KTT ngày 29 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ tiêu thức phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

1. Phân công Cục Thuế tỉnh quản lý thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới thỏa mãn một trong các tiêu thức sau:

a) Tiêu thức phân công theo loại hình doanh nghiệp và quy mô vốn điều lệ:

a.1) Doanh nghiệp có vốn nhà nước, các đơn vị sự nghiệp có thu cấp tỉnh;

a.2) Doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

a.3) Doanh nghiệp dự án BOT, BTO, BT do nhà đầu tư thành lập để thiết kế, xây dựng, quản lý công trình dự án và để thực hiện các dự án khác theo quy định của pháp luật về đầu tư;

a.4) Doanh nghiệp có quy mô vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng trở lên;

a.5) Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tại khu công nghiệp, khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất, chi nhánh doanh nghiệp có trụ sở ngoài tỉnh.

b) Tiêu thức phân công theo ngành nghề kinh doanh:

| STT | Mã ngành | Tên ngành |
|-----|----------|---|
| 1 | | Khai thác than cứng và than non |
| 2 | B0510 | Khai thác và thu gom than cứng |
| 3 | B0710 | Khai thác quặng sắt |
| 4 | B0722 | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt |
| 5 | B0730 | Khai thác quặng kim loại quý hiếm |
| 6 | D3510 | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện |
| 7 | D3520 | Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống |
| 8 | K6411 | Hoạt động ngân hàng trung ương |
| 9 | K6419 | Hoạt động trung gian tiền tệ khác |
| 10 | K6420 | Hoạt động công ty nắm giữ tài sản |
| 11 | K6430 | Hoạt động quỹ tín thác, các quỹ và các tổ chức tài chính khác |
| 12 | K6491 | Hoạt động cho thuê tài chính |
| 13 | K6492 | Hoạt động công tín dụng khác (trừ quỹ tín dụng nhân dân) |
| 14 | K6499 | Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) |
| 15 | K6511 | Bảo hiểm nhân thọ |
| 16 | K6512 | Bảo hiểm phi nhân thọ |
| 17 | K6520 | Tái bảo hiểm |
| 18 | K6530 | Bảo hiểm xã hội |
| 19 | K6611 | Quản lý thị trường tài chính |
| 20 | K6612 | Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán |
| 21 | K6619 | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu |
| 22 | K6621 | Đánh giá rủi ro và thiệt hại |
| 23 | K6622 | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm |
| 24 | K6629 | Hoạt động hỗ trợ khác cho bảo hiểm và bảo hiểm xã hội |
| 25 | K6630 | Hoạt động quản lý quỹ |
| 26 | L6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê |
| 27 | M6920 | Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế |
| 28 | R9200 | Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc |
| 29 | U9900 | Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế |

c) Doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh xuất khẩu thường xuyên thuộc đối tượng và các trường hợp được hoàn thuế giá trị gia tăng.

2. Phân công Chi cục Thuế các huyện, thành phố quản lý thuế theo địa bàn đối với các doanh nghiệp không thỏa mãn các tiêu thức trên.

Điều 2. Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Thái